

**CÔNG TY CP DƯỢC LIỆU
VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2706/2020/CV-VHE
(V/v: Bổ sung hồ sơ họp ĐHCĐ
thường niên 2020)



Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2020

Kính gửi:

- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**
- Mã chứng khoán: **VHE**
- Địa chỉ trụ sở chính: **Số 277 Đường Vạn Xuân, Xã Hạ Mỗ, Huyện Đan Phượng, Hà Nội.**
- Điện thoại: **0243 338 16 999** Fax: **024 359 90 555**
- Người thực hiện công bố thông tin: **Vũ Thị Bích Nhung**
- Chức vụ: **Phụ trách kế toán kiêm Người được ủy quyền CBTT của Công ty.**
- Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu : định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Tài liệu và nội dung cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên 2020.

Thông tin trên đã được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:
www.vinaherbfoods.com, mục Quan hệ cổ đông.

Tôi cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Vũ Thị Bích Nhung



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0107409148 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/04/2016, cấp thay đổi lần 2 vào ngày 23/04/2018.

**NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Thời gian: 07h30' ngày 27 tháng 06 năm 2020

Địa điểm: Số 277, đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội

STT	Thời gian	Nội dung (dự kiến)	Chủ trì
1	07:30 – 08:30	Đón tiếp đại biểu và cổ đông	Ban tổ chức
		Kiểm tra tư cách cổ đông, phát Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và tài liệu họp	Ban kiểm tra tư cách đại biểu
2	08:30 – 08:35	Báo cáo kiểm tra tư cách Đại biểu tham dự Đại hội	Trưởng ban kiểm tra tư cách đại biểu
3	08:35 – 08:45	Chào cờ, khai mạc Đại hội, giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, thông qua Ban kiểm phiếu	Ban tổ chức
4	08:45 – 09:00	Thông qua Chương trình họp, Quy chế tổ chức và biểu quyết	Chủ tọa
5	09:00 – 10:10	Nội dung các báo cáo, tờ trình: 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019; 2. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019; 3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020; 4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 5. Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020; 6. Tờ trình thông qua mức thù lao cho HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch năm 2020; 7. Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020; 8. Tờ trình thông qua việc Thay đổi mô hình quản trị của công ty; Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021;	Đoàn Chủ tịch



STT	Thời gian	Nội dung (dự kiến)	Chủ trì
		<p>9.Tờ trình thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;</p> <p>10.Tờ trình thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</p> <p>11.Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và thay đổi số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021;</p> <p>12.Tờ trình thông qua Phương án trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu.</p> <p>13.Tờ trình thông qua Phương án huy động vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020</p>	
6	10:10 – 10:40	Thảo luận các vấn đề biểu quyết	Chủ tọa
7	10:40 – 10:50	Hướng dẫn biểu quyết	Ban kiểm phiếu
		Đại biểu biểu quyết	
8	10:50 – 11:05	Nghỉ giải lao	
9	11:05 – 11:10	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết	Ban kiểm phiếu
10	11:10 – 11:25	Đọc dự thảo Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Thư ký, chủ tọa
11	11:25 – 11:30	Thông qua Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Chủ tọa
12	11:30 – 11:35	Bế mạc đại hội	Chủ tọa

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 4. Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông của VHE và người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 10/06/2020) đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông;
2. Cổ đông và/hoặc đại diện theo uỷ quyền sau đây được gọi là “Đại biểu” khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội;
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
4. Các Đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép;
5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;
6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, tất cả các máy điện thoại di động phải được tắt hoặc không để chuông.

Điều 5. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 05 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và là Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của VHE.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

- a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo Chương trình của Hội đồng Quản trị (HDQT) được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội;
 - b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 6. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa giới thiệu (thông qua Ban Tổ chức Đại hội); Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách Đại biểu dự họp (khi cần thiết);
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và gửi thông báo của Đoàn Chủ tịch đến các Đại biểu khi được yêu cầu;
 - c. Tiếp nhận, rà soát Phiếu thảo luận, các ý kiến của Đại biểu, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;
 - d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản Đại hội;
 - e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:

Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông đến dự họp.

Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng Đại biểu dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông VHE được tiến hành.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu (thông qua Ban Tổ chức Đại hội) và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết tại Đại hội;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả kiểm phiếu cho Ban Thư ký;
 - Thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định tại Quy chế này.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả kiểm phiếu.

Điều 9. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:
 - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
 - Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu thảo luận và chuyển cho Ban Thư ký;
 - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các Phiếu thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
 - Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:
 - Trên cơ sở Phiếu thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
 - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được VHE trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận công khai và tiến hành biểu quyết công khai bằng thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín bằng phiếu biểu quyết.
- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được VHE in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:
 - + Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; thông qua Ban kiểm phiếu, thư ký Đại hội; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - + Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các nội dung từ trình Đại hội, được xác định và ghi rõ trong từng phiếu biểu quyết gửi cho mỗi cổ đông.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết quá một lần trong tổng số ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu/Ban kiểm tra tư cách đại biểu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến, Không hợp lệ.

Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn.

- Trường hợp Đại biểu hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi việc bỏ Phiếu Biểu Quyết kết thúc vẫn được đăng ký đại biểu và biểu quyết với những vấn đề phát sinh sau khi Đại biểu đó đăng ký đại biểu nhưng không được phép tham gia biểu quyết những vấn đề đã được bỏ phiếu xong. Trong trường hợp này hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Phiếu biểu quyết hợp lệ:

- Phiếu do Ban tổ chức phát ra
- Không có gạch xóa, cạo, sửa chữa, rách nát... không ghi thêm nội dung biểu quyết nào khác. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết theo yêu cầu của Ban tổ chức.
- Ký và ghi đầy đủ họ tên của Đại biểu tham dự.
- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi Đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) tình trạng biểu quyết của nội dung đó. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

4. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu không phải do Ban tổ chức phát ra
- Phiếu không có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu;
- Phiếu biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm nội dung biểu quyết;
- Các vấn đề biểu quyết không được lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án cho một Tờ trình Đại hội thì nội dung đó được coi là không hợp lệ.

5. Thê lệ biểu quyết:

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Đối với các nội dung sau thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số Phiếu Biểu Quyết của tất cả Đại Biểu dự họp biểu quyết “tán thành” (theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ VHE):
 - + Sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty;
 - + Loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại;
 - + Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - + Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;
 - + Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.

Điều 11. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 12. Thi hành Quy chế

Đại biểu dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Đại biểu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ VHE và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này gồm 12 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông VHE biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Tiến Vinh

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2019 và kế hoạch 2020 như sau:

I. Tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực Phẩm Việt Nam (sau đây gọi là “Vinaherbfoods” hoặc “Công ty”) trong năm 2019.

Năm 2019 là năm hoạt động thứ 4 của Vinaherbfoods với sự bứt phá chuyển mình mạnh mẽ trong lĩnh vực xuất khẩu và sản phẩm nước uống thảo dược đã từng bước tạo được thương hiệu trên thị trường.

Về kết quả kinh doanh, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) đánh giá Công ty và Ban Giám Đốc đã có nhiều cố gắng, do muốn tăng thị phần của Doanh thu ngành nước uống thảo dược trong tổng doanh thu của cả Công ty nên tuy doanh thu không đạt so với kế hoạch đề ra nhưng Doanh thu năm 2019 của Vinaherbfoods vẫn khá ấn tượng là 143,575 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 9,035 tỷ đồng, tăng trưởng lợi nhuận sau thuế là 59,7% so với năm 2018.

Về ngành nghề hoạt động, năm 2019 được coi là năm tiền đề cho bước tiến của Công ty sang lĩnh vực mới, Công ty đã từng bước thâm nhập sâu vào thị trường sản phẩm nước uống thảo dược đóng chai. Đạt doanh thu ấn tượng từ nước uống thảo dược là 20,86 tỷ đồng chiếm 14,53% trong tổng doanh thu năm 2019.

Ban giám đốc với tầm nhìn chiến lược, sự sáng tạo, năng động, kinh nghiệm, quyết đoán, thống nhất, cùng với sự quyết tâm đồng thuận cao của đội ngũ lao động có tay nghề gắn bó với Công ty; đã từng bước đưa thương hiệu Nước uống thảo dược đóng chai thâm nhập sâu vào thị trường nước uống thảo dược đồng thời nâng cao vị thế, uy tín, hình ảnh Vinaherbfoods đối với khách hàng, nhà cung cấp trong và ngoài nước trên lĩnh vực xuất khẩu dược liệu.

Công tác đầu tư công nghệ và nguồn nhân lực được chú trọng phát triển khẳng định cam kết của Lãnh đạo trong định hướng chiến lược phát triển lâu dài và bền vững.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

1. Các hoạt động chung:

Trong năm 2019, HĐQT đã hoạch định chính sách, chủ trương và kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty.

Năm 2019, HĐQT đã xem xét, thống nhất, quyết định một số nội dung quan trọng để hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đồng thời ban hành các nghị quyết



thông qua chủ trương quan trọng đối với định hướng và phát triển của Công ty, trong đó với nội dung chính sau:

- Nghiên cứu đầu tư đổi mới công nghệ phù hợp, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.
- Huy động các khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Hoạt động giám sát của HĐQT:

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, các Quy định, Quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, hoạt động giám sát của HĐQT gồm:

- Tổ chức giám sát thực hiện và chuẩn bị nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh đặc biệt là dây chuyền lon sấp tới.

- Ngày 06 tháng 04 năm 2019 Vinaherbfoods tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019;

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính năm 2019;

Giám sát thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ đã ban hành;

- Giám sát hoạt động quản lý của Ban Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra;

- Giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định;

III. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2020

• Mục tiêu

Xây dựng Công ty Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

• Định hướng thực hiện

Về quy mô, Công ty tiếp tục giữ vững và ổn định thị trường xuất khẩu dược liệu. Đồng thời mở rộng thị trường nước uống thảo dược sang các thị trường Hàn Quốc, Châu Âu, các nước trong khu vực Đông Nam Á. Lĩnh vực kinh doanh nước uống thảo dược được Công ty ưu tiên đầu tư mạnh mẽ, hướng tới các sản phẩm thuần thảo dược, sản phẩm mang tính chất chế biến hạn chế xuất thô. Mục tiêu giữ vững và ổn định thị trường.

Về quản trị, năm 2020, Công ty tiếp tục mở rộng tuyển dụng các nhân sự chủ chốt để thúc đẩy việc mở rộng thị trường nước uống thảo dược đặc biệt là nước uống thảo dược đóng lon và túi sấp tới.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam trong năm 2019 và kế hoạch 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU
VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

---oOo---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

----oOo----

Số: 02/2020/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2019**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2019, kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng chậm, tuy nhiên kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng mạnh mẽ và là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng GDP đạt trên 7% kể từ năm 2011. Lạm phát tiếp tục được duy trì ở mức thấp, nằm trong ngưỡng kế hoạch đề ra. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2019 tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2019, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,5% so với năm trước. Đây là những dấu hiệu cho thấy nền kinh tế trong nước năm 2019 tương đối ổn định.

Trong bối cảnh năm 2019 có nhiều thuận lợi đi kèm theo thách thức, hoạt động của Công ty CP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (“Công ty Vinaherbfoods”) đã có đà tăng trưởng mạnh mẽ và tiếp tục gặt hái được nhiều thành công trong lĩnh vực xuất khẩu nguyên liệu ngành dược, và đã thâm nhập sâu vào thị trường nước uống thảo dược đóng chai. Trong năm 2019, Ban Kiểm soát (“BKS”) đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị (HDQT), Ban Giám đốc (“BGĐ”) bám sát việc ban hành và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ”) và HDQT.

Với chức năng và quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty Vinaherbfoods, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, BKS trong năm 2019 đã nỗ lực hoàn thành các công việc như giám sát, kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty Vinaherbfoods liên quan tới công tác kế toán, tài chính, hoạt động đầu tư, dự án sản xuất, triển khai kinh doanh mới, đồng thời tiến hành kiểm tra định kỳ Báo cáo tài chính của Công ty.

Thay mặt BKS, tôi xin báo cáo Đại hội các nội dung sau:

1. Về tình hình tài chính của Công ty Vinaherbfoods:

BKS thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2019 đã được BGĐ Công ty Vinaherbfoods lập và được Công ty TNHH kiểm toán BDO kiểm toán. Báo cáo tài chính đã phản ánh chính xác tình hình tài chính của Công ty Vinaherbfoods tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2019 đến 31/12/2019.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong năm 2019 thể hiện trên báo cáo tài chính như sau:

a. Về kết quả kinh doanh:

- Doanh thu thuần : 143,575 tỷ đồng



- Tổng lợi nhuận trước thuế : 11,296 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế : 9,035 tỷ đồng

b. Về tài sản:

- Tài sản ngắn hạn : 107,513 tỷ đồng

- Tài sản dài hạn : 66,458 tỷ đồng

- Tổng tài sản : 173,971 tỷ đồng

c. Vốn chủ sở hữu: 88 tỷ đồng

Tổng kết:

Năm 2019, doanh thu thuần của Công ty Vinaherbfoods đạt mức 143,575 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 9,035 tỷ đồng, tăng 59,7% so với năm 2018.

2. Đánh giá việc tuân thủ Pháp luật, thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT:

Việc tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định của Pháp luật luôn được xác định là một nhiệm vụ quan trọng đối với Công ty Vinaherbfoods. Qua kiểm tra, theo dõi và đánh giá, các hoạt động của Công ty trong năm 2019 được đảm bảo an toàn, tuân thủ theo đúng Pháp luật, việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT cũng được các cán bộ quản lý giám sát chặt chẽ. Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, BKS đánh giá BGD và lãnh đạo công ty cũng như các phòng, ban liên quan đã tổ chức thực hiện tốt và không phát sinh rủi ro hay vi phạm nào trọng yếu, ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty Vinaherbfoods.

Bước sang năm 2020, quá nhiều thách thức và trở ngại từ bên ngoài cùng với sự gia tăng nhanh chóng khối lượng công việc của Công ty, để đạt được những mục tiêu và kế hoạch đề ra của ĐHĐCĐ, HĐQT, nhiệm vụ của BGD và cán bộ nhân viên hết sức nặng nề. Khó khăn và thách thức còn nhiều đòi hỏi sự nỗ lực của từng cán bộ nhân viên Công ty cũng như sự ủng hộ và tin tưởng của Quý vị Cổ đông. Trong hoạt động của BKS, để phát huy được vai trò và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, BKS sẽ phải cố gắng nhiều hơn nữa và chúng tôi rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ của các Quý Cổ đông, HĐQT cũng như sự hợp tác và phối hợp chặt chẽ của BGD và các bộ phận nghiệp vụ trong Công ty Vinaherbfoods.

Nhân dịp này, thay mặt BKS, tôi xin gửi tới Quý Cổ đông, HĐQT và BGD Công ty Vinaherbfoods lời chúc sức khỏe.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu văn phòng Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban Kiểm Soát



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019,
KẾ HOẠCH NĂM 2020**

I. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh trong năm 2019
Những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam trong năm 2019.

*** Những thuận lợi:**

Năm 2019, tăng trưởng GDP Việt Nam rất tích cực với mức tăng GDP đạt 7,02%. Nền kinh tế năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng trên 7%, thấp hơn năm 2018 nhưng cao hơn giai đoạn 10 năm trước đó. Lạm phát ở mức 2,73% như vậy lạm phát năm 2019 thấp nhất trong 3 năm gần đây khi năm 2018 là 3,54% và năm 2017 là 3,53%. Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (“**Vinaherbfoods**”) tiếp tục khẳng định được vị thế trong lĩnh vực xuất khẩu, và đã từng bước mở rộng đi sâu hơn vào thị trường nước uống thảo dược.

*** Những khó khăn:**

Thị trường thực phẩm và đồ uống Việt Nam ngày càng hấp dẫn đối với các doanh nghiệp ngoại với hàng loạt các thương vụ chuyển giao, mua bán, sáp nhập giữa DN ngoại và các đơn vị trong nước. Đây cũng là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp nội khi sức cạnh tranh của các doanh nghiệp này còn yếu, đòi hỏi phải có sự nỗ lực trong việc đổi mới, thích nghi để hòa vào “sân chơi” thương mại chung.

Xuất khẩu nhóm hàng nông sản trong năm 2019 đạt 16,91 tỷ USD, giảm 4,9% so với năm trước (tương ứng giảm 876triệu USD). Thị trường xuất khẩu nhiều biến động đã ảnh hưởng đến lĩnh vực xuất khẩu nông lâm sản, dược liệu của Công ty.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2019

Với tình hình sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, Ban điều hành đã phát huy tinh thần đoàn kết, tập trung sự chỉ đạo tích cực triển khai các nghị quyết của Hội đồng



quản trị, thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức và tìm hướng tháo gỡ những khó khăn trong năm 2019.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% tăng giảm năm 2019/2018
1	Tổng tài sản	173,971,300	157,831,919	10.23%
2	Vốn chủ sở hữu	110,741,943	101,706,875	8.88%
3	Doanh thu thuần	143,575,501	208,006,106	(30.98)%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10,723,703	7,253,073	47.85%
5	Lợi nhuận khác	789,540	5,210	15,054%
6	Lợi nhuận trước thuế	11,295,859	7,084,652	59.44%
7	Lợi nhuận sau thuế	9,035,068	5,657,518	59.70%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019)

Doanh thu thuần năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm trước -30.98% là do: doanh thu từ hoạt động xuất khẩu biến động giảm từ 203 tỷ đồng xuống còn 122 tỷ đồng tương đương -39.90% nguyên nhân thị trường xuất khẩu năm nay có nhiều biến động nên Công ty tạm dừng ký hợp đồng xuất khẩu với 1 số đối tác. Chờ thị trường 2020 ổn định lại sẽ xúc tiến mảng xuất khẩu hoạt động trở lại. Tuy nhiên lợi nhuận gộp từ hoạt động xuất khẩu hàng nông sản tăng từ 9% lên 19%, lợi nhuận gộp từ hoạt động bán nước thảo dược tăng từ 37% lên 44%. Từ những nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập 2019 tăng so với cùng kỳ năm trước 3,3 tỷ đồng tương đương 59.70%.

III. Mục tiêu, giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020

1. Triển vọng phát triển của ngành

- Kinh tế Việt Nam sáng sủa với sự tăng trưởng ổn định. Kỳ vọng trong giai đoạn 2020-2025, GDP tăng 6-7%, CPI tăng 3-4%. Ngành dịch vụ và hàng tiêu dùng được xem là yếu tố chính góp phần phát triển kinh tế Việt Nam năm 2019.

- Người tiêu dùng Việt Nam lạc quan về triển vọng tương lai. Tuy nhiên, an toàn thực phẩm, sức khỏe và các vấn đề môi trường là mối quan tâm hàng đầu của họ.

- Người tiêu dùng Việt chủ yếu chi tiêu cho đồ ăn và hàng tiêu dùng (27,1% ở thành phố lớn và 26,9% ở nông thôn).
- Tổng giá trị FMCG tăng 5,5% ở 4 thành phố lớn và 8,8% ở nông thôn (dự báo giai đoạn 2020-2025 tăng trưởng 5-6%). Thức uống và đồ dùng chăm sóc cá nhân là các ngành hàng có mức độ tăng trưởng cao nhất.
- Thương mại truyền thống vẫn chiếm ưu thế trong lĩnh vực FMCG, nhưng gần đây đã xuất hiện thêm các đối thủ thương mại hiện đại mới như cửa hàng bán lẻ, cửa hàng chuyên doanh và mua sắm trực tuyến.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2020

Năm 2020 dịch bệnh Covid-19 khiến cho nền kinh tế bị suy thoái trầm trọng, cuộc chiến Mỹ Trung vẫn diễn ra căng thẳng. Những khó khăn đó cùng với định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2020 theo một số chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu sau:

- Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là khoảng 110 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là khoảng 400 triệu đồng;

Trên đây là báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019 và kế hoạch dự kiến năm 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.



CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC
Bùi Tiên Vinh



Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO ký ngày 23/03/2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua .

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông....;
- HĐQT, BKS, BGD, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



BÙI TIẾN VINH

Số : 05/2020/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: **phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

a) Trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2019 (ĐVT: Triệu đồng)
1. Lợi nhuận trước thuế	11.295
2. Thuế TNDN phải nộp	2.260
3. Lợi nhuận sau thuế	9.035
4. Phân phối lợi nhuận	0
5. Lợi nhuận để lại từ các năm trước	13.706
6. Tổng lợi nhuận đến hết năm 2019	22.741
7. Đề nghị chia cổ tức	20%/vốn điều lệ
8. Lợi nhuận chuyển năm sau	5.141

b) Chia cổ tức năm 2019

Mức chi trả cổ tức năm 2019: 20%/ vốn điều lệ

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:

Theo kế hoạch kinh doanh của năm 2020, Hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2020 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2020 là: 400 triệu đồng;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020 dự kiến: 0%

Trên đây là nội dung phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận cho năm 2020.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

**CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TÔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Liên Vinh**

Số: 06 /2019/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v thông qua thù lao HĐQT, Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Để đảm bảo cho hoạt động của HĐQT và BKS trong việc triển khai nhiệm vụ được giao, căn cứ vào Kế hoạch SXKD của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam năm 2020 và các quy định của Nhà nước, Công ty xin báo cáo tổng mức thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2019 và xin đề xuất tổng mức thù lao của HĐQT và tiểu ban kiểm toán trong năm 2020 như sau:

*** Tổng mức thù lao:**

Tổng mức thù lao	Báo cáo thù lao năm 2019	Đề xuất thù lao năm 2020
Hội đồng Quản trị	320.647.000 đồng	Tối đa bằng 10% LNST
Ban kiểm soát/Tiểu ban kiểm toán	Không nhận thù lao	Không nhận thù lao

Các quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, tiểu ban kiểm toán được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM
VIỆT NAM

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Liên Vinh

TỜ TRÌNH

**V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán
BCTC cho năm tài chính 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
- Căn cứ yêu cầu lựa chọn Công ty kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Để đảm bảo chủ động cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán theo quy định hiện hành để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 và soát xét các báo cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TỜ TRÌNH

V/v: Thay đổi mô hình quản trị công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định 71/2017 là Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư 95/2017 là Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
- Căn cứ nhu cầu thực tế tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua việc thay đổi mô hình quản trị, kiểm soát của Công ty như sau:

I. Thay đổi mô hình quản trị, kiểm soát của Công ty

1. Mô hình quản trị kiểm soát hiện tại của Công ty:
 - Đại hội đồng cổ đông;
 - Hội đồng quản trị;
 - Ban kiểm soát;
 - Tổng giám đốc.
2. Mô hình quản trị, kiểm soát đề xuất thay đổi:
 - Đại hội đồng cổ đông;
 - Hội đồng quản trị (Có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị);
 - Tổng giám đốc.

II. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021

Giải thể Ban kiểm soát và Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam nhiệm kỳ 2016-2021 kể từ ngày 27/06/2020, để phù hợp với phương án chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp 2014.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện rà soát, ban hành các Quy chế nội bộ để Công ty có thể áp dụng mô hình quản trị, kiểm soát mới và các thủ tục đăng ký, thay đổi với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



**CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**
Bùi Liên Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số : 09/2020/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động theo cơ cấu Quản trị mới

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật hợp nhất luật chứng khoán số 27/VBHN-VPQH ngày 18/12/2013;
- Căn cứ Nghị định 71/2017 là Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động như sau:

Do thay đổi mô hình Quản trị công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành theo mô hình quản trị mới không có Ban kiểm soát.

Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Điều lệ Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



BÙI TIẾN VINH

Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đậm, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phần in nghiêng, bôi đậm, màu đỏ.
- Luật DN 2014 là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Thông tư 95/2017/TT – BTC là Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- Nghị định 71/2017/NĐ – CP là Nghị số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
Điều lệ này gồm 57 điều (“Điều Lệ”) được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty bất thường được tổ chức vào ngày 18 tháng 04 năm 2018 , thay thế cho Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/01/2018 , được sửa đổi bổ sung phù hợp với những quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.	Điều lệ này gồm 56 điều (“Điều Lệ”) được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty được tổ chức thường niên vào ngày 25 tháng 04 năm 2020 , thay thế cho Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2018 , được sửa đổi bổ sung phù hợp với những quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.	<i>Cập nhật thời gian sửa đổi</i>
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	

Điều 1. Định nghĩa	Điều 1. Định nghĩa	
Không có	<i>1.1. “Tiểu ban Kiểm toán” có nghĩa là Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị như được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh nghiệp;</i>	<i>Chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty	
4. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của những người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này và trong Quy chế Quản trị của Công ty.	4. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch HĐQT là đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của những người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này và trong Quy chế Quản trị của Công ty.	<i>Theo quy định của Khoản 2 Điều 12 và Khoản 2 Điều 37 Nghị định 71/2017: “Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc của cùng 01 công ty đại chúng từ ngày 01/08/2020.”</i>
VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	
Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm soát; d. Tổng giám đốc.	Điều 13. Mô hình quản trị <i>Mô hình quản trị của Công ty bao gồm:</i> a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. Tổng giám đốc.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	

Điều 14. Quyền của cổ đông	Điều 14. Quyền của cổ đông	
3.a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 27.3 và Điều 36.4 ;	3.a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại các Điều 27.3;	<i>Bỏ dẫn chiếu đến Ban Kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
3.d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát ;	3.d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam;	<i>Bỏ các báo cáo của Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
3.e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.	3.e. Yêu cầu <i>Hội đồng quản trị</i> kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; <i>Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Tiểu ban Kiểm Toán trực tiếp thực hiện và báo cáo.</i>	<i>Điều chỉnh do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông	Điều 16. Đại hội đồng cổ đông	
3.c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy	3.c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành	<i>Bỏ Ban Kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt</i>

<p>định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này - trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p>	<p>viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này - trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p>	<p><i>động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i></p>
<p>3.e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p>	<p>3.e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p><i>Do thay đổi mô hình quản trị, bỏ Ban Kiểm soát.</i></p>
<p>3.f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Chuyển nội dung sang mục 3.e</p>	
<p>4.a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 16.3d và Điều 16.3e. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p>	<p>4.a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 16.3d. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p>	<p><i>Bỏ dẫn chiếu đến Ban Kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i></p>
<p>4.b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 16.4a thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội</p>	<p>4.b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 16.4a thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy</p>	<p><i>Điều chỉnh do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại</i></p>

<p>đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 136.5 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><i>định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền</i> thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 136.6 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><i>Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i></p>
<p>4.c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 16.4b thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 16.3d có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 136.6 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p>	
<p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p><i>4.c.</i> Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p><i>Điều chỉnh thứ tự khoản mục phù hợp không ảnh hưởng đến nội dung.</i></p>
<p>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p> <p>b. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p><i>Bỏ các báo cáo của Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i></p>

2.e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị <u>và Ban kiểm soát</u> ;	2.e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
2.k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị <u>hoặc Ban kiểm soát</u> gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;	2.k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
Điều 20. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	
2.e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> ;	2.e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	
4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. <u>Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát</u> điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. <u>Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất</u> điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	<i>Điều chỉnh do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
2.c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị <u>và Ban kiểm soát</u> .	2.c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị <u>và Ban kiểm soát</u> phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị <u>hoặc Ban kiểm soát</u> và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc Kiểm soát viên</u> được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị <u>hoặc Ban kiểm soát</u> thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.	5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.	<i>Bỏ Ban kiểm soát, Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
3.6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của <u>Ban kiểm</u>	3.6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của <u>Người phụ</u>	<i>Điều chỉnh do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không</i>

soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.	trách Quản trị công ty hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.	<i>có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 14.3 có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 14.3 có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	
c. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản của Công ty có giá trị đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất; o. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc và người điều hành hoặc người đại diện của Công ty theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty, quyết định mức lương và quyền lợi khác của họ. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);	c. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản của Công ty có giá trị <i>từ 15% (mười lăm phần trăm) đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm)</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất; d. <i>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 15% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;</i> p. <i>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</i> Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc và <i>người quản lý quan trọng khác</i> hoặc người đại diện của Công ty theo ủy quyền tham gia	<i>Thay thế “Người quản lý quan trọng khác” cho “Người điều hành” để phù hợp với nội dung tại</i>

	Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty, quyết định mức lương và quyền lợi khác của họ. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);	Điểm f Khoản 1 Điều 1 Điều lệ công ty
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	
<p>1. <u>Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.</u></p> <p><u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc công ty, việc chấp thuận này phải được gia hạn theo từng năm vào các kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên.</u></p>	<p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.</i></p>	<p><i>Theo quy định của Khoản 2 Điều 12 và Khoản 2 Điều 37 Nghị định 71/2017: “Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc của cùng 01 công ty đại chúng từ ngày 01/08/2020.”</i></p>
<p>2. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, các thành viên còn lại bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số.</u></p> <p>3. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>2. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</i></p> <p><i>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cho cuộc họp Hội đồng quản trị; cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>c. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và có các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp;</i></p> <p><i>d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>e. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;</i></p>	<p><i>Điều chỉnh để nêu rõ quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Người đại diện theo pháp luật.</i></p>

f. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ Đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Phê duyệt toàn bộ các chiến lược đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, nhân sự; Phê duyệt việc mở tài khoản giao dịch với các ngân hàng bổ nhiệm miễn nhiệm thuộc thẩm quyền của hội đồng quản trị và các cấp quản lý cao cấp thuộc ban điều hành. Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng là người phê duyệt việc mở tài khoản giao dịch với các ngân hàng;

h. Thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

i. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính, thương mại mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

j. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản của Công ty có giá trị đến dưới mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất;

k. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới

mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty.

l. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng và chấm dứt hợp đồng với người lao động trong công ty; trừ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

m. Quyết định số lượng nhân viên; khen thưởng, kỷ luật; mức lương, phụ cấp và quyền lợi khác (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

n. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

o. Kiến nghị số lượng và tiêu chuẩn của các người điều hành khác mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành công ty.

p. Ủy quyền cho các nhân viên quản lý thực hiện các quyền hạn khác của mình;

q. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bảng dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng

	<p><i>năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của công ty;</i></p> <p><i>r. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</i></p> <p><i>4. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho (các) thành viên thành viên Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.</i></p>	
<p>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	
<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp, các vấn đề cần bàn và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Ban kiểm soát;</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp, các vấn đề cần bàn và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p>	<p><i>Điều chỉnh do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i></p>

<p>b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p> <p>c. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Thành viên độc lập.</p>	<p>a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p> <p>b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. <i>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</i></p> <p>d. <i>Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</i></p>	
<p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến <u>các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
<p><u>9.e. Kiểm soát viên có quyền dự họp cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</u></p>	<p><i>Bỏ điều khoản này</i></p>	<p><i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i></p>
<p><u>15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.</u></p>	<p><i>15. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</i></p>	<p><i>Chuyển đổi sang Điều 30. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị</i></p>

<p><u>Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>		
<p>16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>Chuyển nội dung sang mục 15</p>	
<p>Không có</p>	<p>Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban</p>	<p><i>Do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i></p>

Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

3. Các quy định liên quan đến cơ cấu tổ chức, chức năng của Tiểu ban Kiểm toán.

3.1. Cơ cấu tổ chức của Tiểu ban Kiểm toán: Phần lớn thành viên của Tiểu ban Kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Các nội dung cụ thể liên quan đến cơ cấu tổ chức của Tiểu ban Kiểm toán sẽ được quy định tại Quy chế Quản trị Công ty.

3.2. Ít nhất 01 (một) thành viên của Tiểu ban Kiểm toán có các bằng cấp, chứng chỉ hoặc có kinh nghiệm liên quan đến công tác tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.

3.3 Tiểu ban Kiểm toán có những quyền hạn và trách nhiệm dưới đây:

a. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu ban Kiểm toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián

	<p><i>đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;</i></p> <p><i>b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong Công Ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại, cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó;</i></p> <p><i>c. Khi phát hiện thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 35 và Điều 36 của Điều Lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để Hội Đồng Quản Trị ra quyết định xử lý;</i></p> <p><i>d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</i></p> <p><i>e. Xem sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này;</i></p>	
--	---	--

f. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty;

g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;

h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty;

i. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt theo thể thức tại Điều 48 của Điều Lệ này;

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập;

- Giám sát tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập.

j. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, Quy chế Quản Trị Công ty và quy định Pháp Luật.

	<p>3.4. <i>Tiểu ban Kiểm toán được quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</i></p> <p>3.5. <i>Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Tiểu ban Kiểm toán.</i></p>	
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	
4.b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát ;	4.b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
4.f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ;	4.f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
IX. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	IX. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	<i>Điều chỉnh thủ tục khoản mục phù hợp không ảnh hưởng đến nội dung.</i>
Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp	Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	
2. Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;	3. Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập, quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;	

<p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</p>	<p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty. <i>c. Không phải là người đã bị phán quyết đã làm cho công ty mà họ đã từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</i></p>	
<p><u>3. Giám đốc (Tổng giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau:</u></p> <p><u>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p><u>b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</u></p> <p><u>c. Kiến nghị số lượng và các chức danh người điều hành mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các</u></p>	<p><u>4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</u></p> <p><u>a. Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị và thông qua.</u></p> <p><u>b. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.</u></p> <p><u>c. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động quản lý của Công ty.</u></p> <p><u>d. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p>	

điều khoản khác của hợp đồng lao động của những người điều hành;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 10 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu

<p><u>chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</u></p> <p><u>i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động Tổng giám đốc và pháp luật.</u></p>		
<p>Điều 35. Thư ký Công ty</p>	<p>Điều 36. Thư ký Công ty</p>	
<p>X. BAN KIỂM SOÁT</p>	<p><i>Bỏ điều khoản này</i></p>	<p><i>Do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i></p>
<p>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	<p>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	<p><i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i></p>
<p>Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng</p>	<p>Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng</p>	
<p>Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc và người điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.</p>	<p><i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i></p>

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và những người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p> <p>4. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p> <p>4. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ</p>	<p><i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i></p>

chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, **Kiểm soát viên**, Tổng giám đốc, người điều hành, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, **Kiểm soát viên**, Tổng giám đốc, người điều hành hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, **Kiểm soát viên**, Tổng giám đốc, người điều hành đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối

- công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

<p>quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành hay người có liên quan của họ không được phép sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành hay người có liên quan của họ không được phép sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
<p>Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p>	<p>Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p>	
<p>1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cẩn và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà</p>	<p>1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cẩn và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không</p>	<p><i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i></p>

<p>không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau.</p>	<p>phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau.</p>	
<p>XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p>	<p>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p>	
<p>Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>	<p>Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>	
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty,</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và</p>	<p><i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy</i></p>

<p>danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, <u>các báo cáo của Ban kiểm soát</u>, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p>	<p>những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p>	<p><i>định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i></p>
<p><u>XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</u></p>	<p><u>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</u></p>	
<p><u>Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</u></p>	<p><u>Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</u></p>	
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p><i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i></p>
<p>3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội</p>	<p>3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ</p>	<p><i>Bỏ các báo cáo của Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát</i></p>

đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, <u>các báo cáo của Ban kiểm soát</u> , báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.	đồng và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.	<i>theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
<u>XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</u>	<u>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</u>	<i>Điều chỉnh thứ tự khoản mục phù hợp không ảnh hưởng đến nội dung.</i>
<u>Điều 42. Công nhân viên và công đoàn</u>	<u>Điều 41. Công nhân viên và công đoàn</u>	
<u>XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</u>	<u>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</u>	
<u>Điều 43. Phân phối lợi nhuận</u>	<u>Điều 42. Phân phối lợi nhuận</u>	
<u>Điều 44. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</u>	<u>Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</u>	
<u>XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</u>	<u>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</u>	
<u>Điều 45. Tài khoản ngân hàng</u>	<u>Điều 44. Tài khoản ngân hàng</u>	
<u>Điều 46. Năm tài chính</u>	<u>Điều 45. Năm tài chính</u>	
<u>Điều 47. Chế độ kế toán</u>	<u>Điều 47. Chế độ kế toán</u>	
<u>XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</u>	<u>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</u>	
<u>Điều 48. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</u>	<u>Điều 47. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</u>	

Điều 49. Báo cáo thường niên	Điều 48. Báo cáo thường niên	
XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY	XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	
Điều 50. Kiểm toán	Điều 49. Kiểm toán	
XVIII. CON DẤU	XVII. CON DẤU	
Điều 51. Con dấu	Điều 50. Con dấu	
XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	
Điều 52. Chấm dứt hoạt động	Điều 51. Chấm dứt hoạt động	
Điều 53. Gia hạn hoạt động	Điều 52. Gia hạn hoạt động	
Điều 54. Thanh lý	Điều 53. Thanh lý	
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	
1.b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát , Tổng giám đốc hay người điều hành khác.	1.b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	<i>Điều chỉnh thứ tự khoản mục phù hợp không ảnh hưởng đến nội dung.</i>
Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	
XXII. NGÀY HIỆU LỰC	XXI. NGÀY HIỆU LỰC	
Điều 57. Ngày hiệu lực	Điều 56. Ngày hiệu lực	
1. Bản điều lệ này gồm XXII chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam nhất trí thông	1. Bản điều lệ này gồm XXII chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam nhất trí thông qua vào	<i>Cập nhật thời gian sửa đổi Điều lệ</i>

<p>qua vào ngày 26 tháng 04 năm 2016 , sửa đổi bổ sung lần 1 tại Đại hội đồng cổ đông ngày bất thường ngày 24/01/2018, sửa đổi bổ sung lần 2 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 18/04/2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này</p>	<p>ngày 26 tháng 04 năm 2016, sửa đổi bổ sung lần 1 tại Đại hội đồng cổ đông ngày bất thường ngày 24/01/2018, sửa đổi bổ sung lần 2 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 18/04/2018, <i>sửa đổi bổ sung lần 3 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/04/2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</i></p>	
---	--	--

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số : 10/2020/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo cơ cấu Quản trị mới

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật hợp nhất luật chứng khoán số 27/VBHN-VPQH ngày 18/12/2013;
- Căn cứ Nghị định 71/2017 là Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

Do thay đổi mô hình Quản trị công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành theo mô hình quản trị mới không có Ban kiểm soát.

Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Các quy định của Quy chế nội bộ về quản trị công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



BUI TIÊN VINH

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đậm, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phần in nghiêng, bôi đậm, màu đỏ.
- Luật DN 2014 là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Thông tư 95/2017/TT – BTC là Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- Nghị định 71/2017/NĐ – CP là Nghị số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

<i>Quy định tại Quy chế hiện hành</i>	<i>Nội dung đề nghị sửa đổi</i>	<i>Lý do sửa đổi</i>
<i>(Ban hành kèm theo Nghị quyết số <u>02/2018/NQ/ĐHĐCĐ-VINAHERB</u> ngày <u>02 tháng 04 năm 2018</u></i>	<i>(Ban hành kèm theo Nghị quyết số <u>.../2020/NQ/ĐHĐCĐ-VINAHERB</u> ngày <u>27 tháng 06 năm 2020</u></i>	<i>Cập nhật thời gian sửa đổi điều lệ</i>
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát , Ban Tổng Giám Đốc và người điều hành khác, đảm bảo hoạt	1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và người điều hành khác, đảm	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>

động của Công ty được ổn định và phát triển đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông.	bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông.	
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	Điều 2. Giải thích thuật ngữ	
1.a. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ;	1.a. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	
<p>Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (Phụ lục 1 đính kèm);</p> <p>Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (Phụ lục 2 đính kèm);</p> <p>Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị (Phụ lục 3 đính kèm);</p> <p><u>Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên (Phụ lục 4 đính kèm);</u></p> <p>Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (Phụ lục 5 đính kèm);</p>	<p>Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (Phụ lục 1 đính kèm);</p> <p>Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (Phụ lục 2 đính kèm);</p> <p>Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị (Phụ lục 3 đính kèm);</p> <p>Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (Phụ lục 4 đính kèm);</p> <p>Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp (Phụ lục 5 đính kèm);</p> <p>Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Phụ lục 6 đính kèm);</p>	<i>Bỏ Ban kiểm soát, Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>

<p>Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp (Phụ lục 6 đính kèm);</p> <p>Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Phụ lục 7 đính kèm);</p> <p>Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác (Phụ lục 8 đính kèm);</p> <p>Lựa chọn người phụ trách quản trị nội bộ Công ty (Phụ lục 9 đính kèm).</p>	<p>Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác (Phụ lục 7 đính kèm);</p> <p>Lựa chọn người phụ trách quản trị nội bộ Công ty (Phụ lục 8 đính kèm).</p>	
<p>CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ</p>	<p>CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ</p>	
<p>Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty</p>	<p>Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty</p>	
<p>3. Ban kiểm soát</p> <p><u>Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành công ty.</u></p>	<p><i>Bỏ điều khoản này</i></p>	<p><i>Do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i></p>
<p>CHƯƠNG III. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG</p>	<p>CHƯƠNG III. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG</p>	
<p>Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</p>	
<p>2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng</p>	<p>2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi</p>	<p><i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy</i></p>

<p>quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các nghị quyết đó vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.</p>	<p>phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các nghị quyết đó vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.</p>	<p><i>định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i></p>
<p><u>Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</u></p> <p><u>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</u></p> <p><u>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</u></p> <p><u>b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;</u></p> <p><u>d. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;</u></p>	<p><i>Bỏ điều khoản này</i></p>	<p><i>Do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i></p>

<u>e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.</u>		
CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
<u>Điều 10.</u> Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	<i>Điều 9.</i> Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	
<u>Điều 11.</u> Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	<i>Điều 10.</i> Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	
<u>Điều 12.</u> Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	<i>Điều 11.</i> Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	
<p>2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <u>từ 30% đến dưới 50%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị <i>từ mười lăm phần trăm (15%) đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm (35%))</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <i>từ mười lăm phần trăm (15%) đến dưới ba mươi lăm phần trăm (35%)</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.</p>	
<u>Điều 13.</u> Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<i>Điều 12.</i> Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	
<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng giám đốc, Ban kiểm soát hoặc người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo;</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị từ 5% đến dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 10% đến dưới 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>8. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trong trường hợp ký kết hợp đồng với những người được</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng giám đốc hoặc người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị từ đến dưới 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>8. Bỏ điều khoản này</p>	<p><i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014;</i></p> <p><i>Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 29 Điều lệ công ty</i></p>

<u>quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.</u>		
Điều 15. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền	Điều 14. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền	
Điều 16. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 15. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	
Điều 17. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 17. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
1. Các thành viên Hội đồng quản trị được chi trả các chi phí cần thiết có liên quan đến quản lý của Công ty; được hưởng thù lao và tiền thưởng. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cụ thể thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị <u>và thành viên Ban kiểm soát.</u>	1. Các thành viên Hội đồng quản trị được chi trả các chi phí cần thiết có liên quan đến quản lý của Công ty; được hưởng thù lao và tiền thưởng. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cụ thể thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị.	<i>Bỏ thành viên Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
	Điều 20. Thành lập và hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán	
	1. Tiêu chuẩn của Thành viên Tiểu ban Kiểm toán - Các thành viên HĐQT độc lập hoặc không điều hành sẽ chiếm đa số trong Tiểu ban Kiểm toán; - HĐQT sẽ quyết định có ít nhất một thành viên trong Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về tài chính, kế toán và kiểm toán (có bằng cấp, chứng chỉ hoặc kinh nghiệm liên quan) và không làm việc cho bộ phận kế toán hoặc tài chính của Công ty.	

- Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán sẽ có chuyên môn và kinh nghiệm đa dạng về quản lý rủi ro, hoạt động, tuân thủ.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của Tiểu ban Kiểm toán

a. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ Công ty, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu Ban Kiểm Toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;

b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong Công Ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại, cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó;

c. Khi phát hiện thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản

lý Công Ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 37 và Điều 38 của Điều lệ công ty thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để Hội Đồng Quản Trị ra quyết định xử lý;

d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này;

f. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty;

g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;

h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty;

	<p>i. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt theo thể thức tại Điều 48 của Điều Lệ này; - Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; - Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; - Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập; - Giám sát tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập. <p>j. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, Quy chế Quản Trị Công ty, và quy định Pháp Luật.</p> <p>3. Cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán: Tiểu ban Kiểm toán tiến hành họp hoặc thảo luận định kỳ hàng quý trước cuộc họp quý của HĐQT. Thành phần tối thiểu của một cuộc họp là 2/3 thành viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tùy theo công việc được phân công, thành viên Tiểu ban Kiểm toán có thể yêu cầu họp riêng với lãnh đạo các đơn vị thuộc Ban điều hành; 	
--	---	--

	<p>- Tiểu ban Kiểm toán làm việc theo cơ chế biểu quyết đa số. Trường hợp một vấn đề có số biểu quyết ngang nhau thì biểu quyết bên có ý kiến của Trưởng tiểu ban sẽ là ý kiến quyết định;</p> <p>- Trưởng Tiểu ban Kiểm toán có thể triệu tập cuộc họp, trao đổi riêng với từng thành viên trong Tiểu ban để thảo luận về các chủ đề riêng biệt.</p>	
Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty	Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty	
3.b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát ;	3.b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
3.f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ;	3.f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;	
CHƯƠNG VI. BAN KIỂM SOÁT	Không có	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH	CHƯƠNG VI: BAN ĐIỀU HÀNH	
Điều 27. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	Điều 22. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	

<p>2. Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</p> <p>c. Các tiêu chuẩn điều kiện khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>2. Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</p> <p>c. <i>Không phải là người đã bị phán quyết đã làm cho công ty mà họ đã từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</i></p> <p>d. Các tiêu chuẩn điều kiện khác theo quy định của pháp luật và <i>Điều lệ công ty.</i></p>	<p><i>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty</i></p>
<p>Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc</p>	<p>Điều 23. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc</p>	
<p>1. Tổng giám đốc là người điều hành doanh nghiệp mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ</p>	<p>1. Tổng giám đốc là người điều hành doanh nghiệp mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty.</p>	<p><i>Sửa đổi theo Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty</i></p>

<p>được giao. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều <u>34</u> Điều lệ công ty.</p> <p><u>2. Tổng giám đốc có quyền quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị dưới 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</u></p> <p><u>3. Tổng giám đốc có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp.</u></p>	<p>2. <i>Bỏ điều khoản này</i></p> <p>3. <i>Bỏ điều khoản này</i></p>	
<p>CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH</p>	<p>CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH</p>	
<p>Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người điều hành doanh nghiệp</p>	
<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này không</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công</p>	<p><i>Bỏ Ban kiểm soát, Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i></p>

được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, **Kiểm soát viên**, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, **Ban kiểm soát** về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, **thành viên Ban kiểm soát**, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Hội đồng quản trị/ Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, **Kiểm soát viên**, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không

được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Hội đồng quản trị/ Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc

được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	
Điều 31. Giao dịch với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	Điều 26. Giao dịch với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	
4.a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Tổng giám đốc, các người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.	4.a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
4.b. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Tổng giám đốc, các người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;	4.b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
CHƯƠNG IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	CHƯƠNG VIII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Điều 37. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc	Điều 32. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	
Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm	Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng	<i>Bỏ Kiểm soát viên, Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý</i>

<u>soát viên</u> , Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> trong các trường hợp sau	giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau	và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014
CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 42. Ngày hiệu lực	Điều 37. Ngày hiệu lực	
3. Hội đồng Quản trị, <u>Ban Kiểm soát</u> , Ban Tổng giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.	3. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.	Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014
PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
1.b. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> ;	1.b. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;	Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014
Điều 4. Đại hội đồng cổ đông	Điều 4. Đại hội đồng cổ đông	
3.c. Số thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên	3.c. Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ	Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014

<p>quy định tại Điều lệ này- trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>f. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p>	<p>này- trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>f. Bỏ điều khoản này</p>	
<p>Điều 5. Thâm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 5. Thâm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p><u>3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 phụ lục này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;</u></p> <p>4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 phụ lục này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền thay thế Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>4. Trường hợp <i>Hội đồng quản trị</i> không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 phụ lục này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền thay thế <i>Hội đồng quản trị</i> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i></p>
<p>Điều 6. Nhiệm vụ của Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 6. Nhiệm vụ của Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>4. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường</p>	<p>4. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và</p>	<p><i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy</i></p>

hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;	thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;	<i>định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 14. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
2.e. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.	2.e. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường	Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường	
3.a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập	3.a. Có đề nghị của thành viên độc lập	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
PHỤ LỤC 4. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	<i>Bỏ khoản mục này</i>	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
PHỤ LỤC 5: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	PHỤ LỤC 4: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 3. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều 3. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	

<p>3. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị bao gồm: Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban nhân sự, Tiểu ban lương thưởng, ...</p>	<p>3. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị bao gồm: Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban nhân sự, Tiểu ban lương thưởng, <i>Tiểu ban kiểm toán nội bộ</i>,...</p>	<p><i>Do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014 nên cần thành lập Tiểu ban kiểm toán nội bộ</i></p>
<p>Không có</p>	<p>Điều 7. Tiểu ban kiểm toán nội bộ</p>	
	<p><i>1. Tiểu ban kiểm toán nội bộ Công ty gồm tối thiểu 03 thành viên, do một thành viên Hội đồng quản trị độc lập là Trưởng ban. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị), do Hội đồng quản trị quyết định.</i></p> <p><i>2. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có các chức năng sau:</i></p> <p><i>a. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu ban Kiểm toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;</i></p>	<p><i>Bổ sung theo Điều 31 Điều lệ công ty</i></p>

b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong Công Ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại, cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó;

c. Khi phát hiện thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 35 và Điều 36 của Điều Lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để Hội Đồng Quản Trị ra quyết định xử lý;

d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

e. Xem sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này;

f. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty;

g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;

h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty;

i. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt theo thể thức tại Điều 48 của Điều Lệ này;

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập;

	<p>- Giám sát tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập.</p> <p>1. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</p>	
PHỤ LỤC 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, <u>BAN KIỂM SOÁT</u> VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	PHỤ LỤC 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
<p>1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và Tổng giám đốc, bao gồm nội dung chính sau:</p> <p>a) Nguyên tắc làm việc;</p> <p><u>b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS:</u></p> <p>c) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Tổng giám đốc;</p> <p><u>d) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và BKS.</u></p> <p>2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.</p>	<p>1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, bao gồm nội dung chính sau:</p> <p>a) Nguyên tắc làm việc;</p> <p>b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Tổng giám đốc;</p> <p>2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.</p>	<p><i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển hình tổ chức quản lý và n sang mô không có Ban kiểm soát hoạt động định tại Điểm b Khoản 1 theo quy LDN 2014 Điều 134</i></p>
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành.	Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc điều hành.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 3. Nguyên tắc phối hợp	Điều 3. Nguyên tắc phối hợp	
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:	Hội đồng quản trị và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 5. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát	<i>Bỏ điều khoản này</i>	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 6. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành	<i>Bỏ điều khoản này</i>	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
PHỤ LỤC 8: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, <u>KIỂM SOÁT VIÊN</u>, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	PHỤ LỤC 8: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với	1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành	<i>Bỏ thành viên Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát</i>

thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát , Tổng giám đốc và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau	viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau	<i>theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	
Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát , Tổng giám đốc và người điều hành khác.	Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác.	<i>Bỏ thành viên Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 3. Phạm vi điều chỉnh	Điều 3. Phạm vi điều chỉnh	
1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Tổng giám đốc và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau:	1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau:	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 4. Đối tượng áp dụng	<i>Bỏ điều khoản này</i>	<i>Trùng lặp với Điều 2 Phụ lục này</i>
Điều 5. Khen thưởng	Điều 4. Khen thưởng	
1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát , Tổng giám đốc theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.	1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.	<i>Bỏ thành viên Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 6. Xử lý vi phạm và kỷ luật	Điều 5. Xử lý vi phạm và kỷ luật	
Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu	Thành viên Hội đồng quản trị và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>

trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt, dẫn chiếu và số thứ tự của các Điều, Khoản do thêm hoặc bớt 1 số Điều, Khoản trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số : 11/2020/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và thay đổi số lượng thành viên

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm của ông Lê Hữu Lợi ngày 04/12/2019

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam đối với Ông Lê Hữu Lợi kể từ ngày 04/12/2019;
2. Thông qua việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 là 06 thành viên.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



BUI TIÊN VINH

Số : 12/2020/TTr-DHĐCĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Phương án trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu:

Phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ

1. Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Số lượng phát hành: 1.760.000 cổ phần (Một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn cổ phần).
4. Tổng giá trị phát hành: 17.600.000.000 (Mười bảy tỷ sáu trăm triệu đồng).
5. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
6. Mục đích phát hành: Tăng vốn điều lệ công ty bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
7. Nguồn vốn phát hành: Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thời điểm 31/12/2019 trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
8. Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) để phát hành cổ phiếu trả cổ tức do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.



9. Tỷ lệ thực hiện: 100:20 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận 20 cổ phần phát hành thêm).

10. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ với giá bằng mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phiếu. Nếu tổng số cổ phiếu lẻ do Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ mà vẫn phát sinh cổ phiếu lẻ thì tiếp tục được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu lẻ do Công ty mua lại sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 118 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ phân bổ quyền 100:20 cổ đông A sẽ nhận được cổ phiếu phát hành thêm được tính như sau: $118 : 100 \times 20 = 23,6$. Cổ đông Nguyễn Văn A nhận được 23,6 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, số lượng 0,6 cổ phiếu lẻ sẽ được Công ty mua lại với giá 10.000 đồng làm cổ phiếu quỹ. Như vậy, cổ đông A sẽ được nhận 23 cổ phiếu mới và 6.000 đồng tiền mặt.

11. Thời gian thực hiện dự kiến: Quý III, IV/2020 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

II. Ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị

- Triển khai phương án phát hành chi tiết, lựa chọn thời điểm phát hành và thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành.
- Hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định pháp luật hiện hành.
- Và các công việc khác có liên quan.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÙI TIẾN VINH

Số: 13/2020/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2020

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

**Về phương án huy động vốn
phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 58/2012NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam;
- Tình hình thực tế của Công ty hiện nay,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (“Công ty”) kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét phê chuẩn thông qua Phương án huy động vốn (thực hiện một trong các phương án hoặc kết hợp đồng thời các phương án) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2020 - 2021 với tổng trị giá vốn cần huy động là 52.800.000.000 đồng, chi tiết như sau:

I. PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG VỐN THÔNG QUA PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ TẶNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mục đích phát hành:

Huy động vốn trả một phần nợ vay tổ chức tín dụng nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho Công ty và Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2. Tình hình cổ phần trước khi phát hành của Công ty:

- Số lượng cổ phần: 10.560.000 cổ phần;
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

3. Phương án phát hành:

- Tên Cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam;
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần;



- Tổng số cổ phần phát hành: 5.280.000 cổ phần.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 52.800.000.000 đồng (*Năm mươi hai tỷ tám trăm triệu đồng*);
- Phương thức phát hành: Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- Tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược:
 - Là tổ chức, cá nhân trong nước;
 - Ưu tiên đối tác truyền thống, tiềm năng của công ty;
 - Có tiềm lực về tài chính và khả năng góp vốn nhanh ngay khi đăng ký mua cổ phần ;
 - Các tiêu chí khác mà HĐQT thấy cần thiết.
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;
- Phương thức xử lý cổ phần không phát hành hết: Số lượng cổ phần do các nhà đầu tư không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn theo tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược với giá không thấp hơn mức giá đã công bố cho các nhà đầu tư hoặc hủy bỏ và kết thúc đợt phát hành;
- Miễn thực hiện chào mua công khai trong các trường hợp sau:
 - Chào bán, phát hành cho các tổ chức, cá nhân dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng chào bán vượt mức sở hữu được quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Chào bán dẫn đến tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức hoặc một cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan tăng từ 10% trở lên vốn điều lệ của VHE trong một đợt chào bán hoặc nhiều đợt chào bán trong 12 tháng gần nhất.
- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 158.400.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tám tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn*);
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần;
- Thời điểm phát hành: dự kiến trong năm 2020, sau khi có chấp thuận của UBCKNN.

4. Nguyên tắc xác định giá phát hành:

Giá phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông trong đợt phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam là 10.000 đồng/cổ phần, được căn cứ trên giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 (*Số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán*)

$$\begin{aligned}
 \text{Giá trị sổ sách/cổ phiếu} &= \text{Nguồn vốn chủ sở hữu/Số lượng cổ phần đang lưu hành} \\
 &= 110.741.943.369 / 8.800.000 \\
 &= 12.584 \text{ đồng/ cổ phiếu}
 \end{aligned}$$

Ngoài ra, giá giao dịch của cổ phiếu VHE trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội trong 02 tháng trở lại đây dao động ở mức từ 4.800 - 6.500 đồng/ cổ phiếu.

Trên cơ sở đánh giá các mức giá và yếu tố trên và để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông hiện hữu, HĐQT đề xuất mức giá chào bán cổ phần là **10.000 đồng/cổ phiếu**.

5. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là 52.800.000.000 đồng (Năm mươi hai tỷ tám trăm triệu đồng) của đợt phát hành nêu trên dự kiến sẽ dùng để trả một phần nợ vay tổ

chức tín dụng nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho Công ty và Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Chi tiết như sau:

STT	Đối tượng	Dự kiến sử dụng vốn từ đợt phát hành	Thời hạn thực hiện
1	Trả nợ vay tổ chức tín dụng	22.800.000.000	Trong năm 2020-2021
3	Bổ sung vốn lưu động (Thanh toán cho nhà cung cấp)	30.000.000.000	Trong năm 2020-2021
Tổng Cộng		52.800.000.000	

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành để đảm bảo phù hợp với tình hình thị trường và tình hình cụ thể hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và báo cáo việc thay đổi mục đích sử dụng vốn (nếu có) tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

6. Ủy quyền:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Lựa chọn thời điểm chào bán;
- Lựa chọn và quyết định đối tượng cụ thể chào bán cổ phần riêng lẻ theo tiêu chí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đảm bảo số lượng chào bán dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông công ty sau khi nhà đầu tư mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ phải phù hợp theo quy định của pháp luật;
- Chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Hoàn chỉnh các nội dung khác liên quan đến Phương án Phát hành theo yêu cầu của các cơ quan chức năng để việc huy động vốn được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định ;
- Lập phương án xử lý số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có);
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định pháp luật hiện hành;
- Và các công việc khác có liên quan.

II. PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG VỐN THÔNG QUA CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU:

1. Căn cứ pháp lý đợt phát hành

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 29/6/2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.

2. Mục đích phát hành

Huy động vốn trả một phần nợ vay tổ chức tín dụng nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho Công ty và Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Phương án phát hành

- 3.1. Tên Cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam;
- 3.2. Tình hình cổ phần trước khi phát hành:
 - Vốn điều lệ trước khi phát hành : 105.600.000.000 đồng
 - Số lượng cổ phần trước khi phát hành : 10.560.000 cổ phần
- 3.3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- 3.4. Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng
- 3.5. Số lượng cổ phần dự kiến phát hành thêm: 5.280.000 cổ phần
- 3.6. Tổng giá trị theo mệnh giá cổ phần dự kiến phát hành thêm: 52.800.000.000 đồng
- 3.7. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 158.400.000.000 đồng
- 3.8. Số lượng cổ phần dự kiến sau khi phát hành: 15.840.000 cổ phần
- 3.9. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách chốt danh sách cổ đông để phát hành thêm cổ phiếu.
- 3.10. Tỷ lệ phát hành: 50% (Cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách được quyền mua thêm 05 cổ phiếu phát hành thêm)
- 3.11. Giá phát hành: **10.000 đồng/cổ phiếu**

3.12. Nguyên tắc xác định giá phát hành:

- *Giá trị sổ sách một cổ phiếu CTCP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam tại thời điểm 31/12/2019:*

$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{110.741.943.369}{8.800.000} = 12.584 \text{ đồng/cp}$$

- *Theo phương pháp giá trị thị trường:*

Hiện cổ phiếu VHE đang được thực hiện giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Giá giao dịch của cổ phiếu trong 02 tháng trở lại đây dao động ở mức từ 4.800 - 6.500 đồng/ cổ phiếu.

Giá cổ phiếu của Công ty sau phát hành sẽ chịu tác động của việc phát hành thêm 50% cổ phiếu mới so với số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm trước khi phát hành sẽ dẫn đến sự pha loãng của cổ phiếu, mặt khác thị trường chứng khoán hiện tại bị nhiều yếu tố vĩ mô tác động đến tâm lý nhà đầu tư. Trên cơ sở đánh giá các mức giá và yếu tố trên và để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông hiện hữu, HĐQT đề xuất mức giá chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là **10.000 đồng/cổ phiếu**.

3.13. Về Mức độ pha loãng dự kiến sau khi chào bán:

Trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần - EPS (earning per share); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần - BV; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

❖ Rủi ro do pha loãng EPS

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{\text{pha loãng}} = \frac{E}{Qbq}$$

Trong đó:

EPS_{pha loãng}: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt chào bán thành công

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Qbq: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau chào bán)

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

❖ Rủi ro do pha loãng BV

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau

$$BV = \frac{NVCSH}{Q - CPQ}$$

Trong đó:

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông

Q: Tổng số cổ phiếu đã chào bán

CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ

BV: Giá trị sổ sách cổ phiếu

Với việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 100:50 với giá 10.000 đồng/cổ phần thì giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) năm 2020 có thể giảm nếu tốc độ tăng của Q cao hơn tốc độ tăng của NVCSH.

❖ Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông đang sở hữu)

❖ Về mức độ pha loãng của cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (PR \times I)}{1 + I} = \frac{5.900 + (10.000 \times 50\%)}{1 + 50\%} = 7.267 \text{ đồng}$$

Trong đó:

P_{tc}: Giá thị trường cổ phiếu sau khi pha loãng

PR_{t-1}: Giá thị trường của cổ phiếu trước khi pha loãng (tạm tính tại ngày 15/06/2020)

I: Tỷ lệ tăng vốn

PR: Giá cổ phiếu chào bán cho người nắm giữ quyền mua CP trong đợt phát hành mới

- 3.14. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông chỉ được chuyển nhượng quyền mua 1 lần. Trường hợp cổ đông từ chối quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên thứ 2 nhưng bên thứ 2 không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cổ phiếu cho bên thứ 3.
- 3.15. Về tỷ lệ chào bán thành công hoặc số tiền tối thiểu cần thu được trong đợt chào bán: Để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 - 2020, tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu dự kiến là 50% (tương đương với số tiền thu được tối thiểu là 26.400.000.000 đồng). Vì vậy, trong trường hợp đợt chào bán không thành

công hoặc không thu đủ số tiền như dự kiến, HĐQT đã có kế hoạch huy động từ nhiều nguồn khác nhau như vay vốn thương mại, vay vốn tín dụng của Ngân hàng....

- 3.16. Nguyên tắc làm tròn: Làm tròn xuống đến hàng đơn vị để xác định số cổ phiếu được quyền mua.
- 3.17. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết: Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu không chào bán hết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đối tượng mua phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho các cổ đông hiện hữu.
- Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết phân phối cho các đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm.
- 3.18. Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến năm 2020, sau khi có chấp thuận của UBCKNN.
- 3.19. Cam kết thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung trên thị trường chứng khoán có tổ chức: Công ty cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là 52.800.000.000 đồng (Năm mươi hai tỷ tám trăm triệu đồng) của đợt phát hành nêu trên dự kiến sẽ dùng để trả một phần nợ vay tổ chức tín dụng nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho Công ty và Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Chi tiết như sau:

STT	Đối tượng	Dự kiến sử dụng vốn từ đợt phát hành	Thời hạn thực hiện
1	Trả nợ vay tổ chức tín dụng	22.800.000.000	Trong năm 2020-2021
3	Bổ sung vốn lưu động (Thanh toán cho nhà cung cấp)	30.000.000.000	Trong năm 2020-2021
Tổng Cộng		52.800.000.000	

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành để đảm bảo phù hợp với tình hình thị trường và tình hình cụ thể hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và báo cáo việc thay đổi mục đích sử dụng vốn (nếu có) tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

5. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Quyết định thời điểm thực hiện phương án chào bán cổ phiếu và thực hiện các thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu với UBCKNN.
- Chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

- Hoàn chỉnh các nội dung khác liên quan đến Phương án Phát hành theo yêu cầu của các cơ quan chức năng để việc huy động vốn được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.
- Lập phương án xử lý số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- Lựa chọn đối tượng mua số lượng cổ phiếu lẻ do làm tròn hoặc cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết trong đợt chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 100:50) với giá mua không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành.
- Hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định pháp luật hiện hành.
- Và các công việc khác có liên quan.

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RIÊNG LẺ

1. Tổ chức phát hành trái phiếu chuyển đổi

Tên tiếng Việt	:	Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
Tên viết tắt	:	VINAHERBFOODS.,JSC
Địa chỉ	:	Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(0243) 3816999
Fax	:	(0243) 5990555
Website	:	https://vinaherbfoods.com/
Vốn điều lệ trước khi phát hành trái phiếu chuyển đổi	:	105.600.000.000 VNĐ
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất thực phẩm chức năng - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã.

2. Mục đích phát hành trái phiếu:

Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam phát hành trái phiếu là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Cụ thể sẽ sử dụng phần vốn thu được để trả một phần nợ vay tổ chức tín dụng nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho Công ty và Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Thông tin về đợt phát hành

1. Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
2. Loại trái phiếu	Trái phiếu chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo
3. Hình thức trái phiếu	Trái phiếu ghi sổ

4. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu	Đồng Việt Nam
5. Phương thức phát hành trái phiếu	Trực tiếp phát hành theo phương thức phát hành riêng lẻ theo quy định của pháp luật.
6. Số đợt phát hành	01 đợt
7. Tổng giá trị trái phiếu chào bán	52.800.000.000 đồng (Năm mươi hai tỷ tám trăm triệu đồng)
8. Mệnh giá trái phiếu	100.000 đồng/trái phiếu
9. Số lượng trái phiếu chào bán	528.000 Trái phiếu.
10. Đối tượng chào bán	Đối tác chiến lược. Tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược: - Là tổ chức, cá nhân trong nước; - Ưu tiên đối tác truyền thống, tiềm năng của công ty; - Có tiềm lực về tài chính và khả năng góp vốn nhanh ngay khi đăng ký mua cổ phần ; - Các tiêu chí khác mà HĐQT thấy cần thiết.
11. Ngày phát hành	Dự kiến trong năm 2020, sau khi có chấp thuận của UBCKNN.
12. Phương thức xử lý trái phiếu không phát hành hết	Số lượng trái phiếu do các nhà đầu tư không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn theo tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược với giá không thấp hơn mức giá đã công bố cho các nhà đầu tư hoặc hủy bỏ và kết thúc đợt phát hành;
13. Thời hạn trái phiếu	02 năm kể từ ngày phát hành
14. Giá chào bán	Bằng mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu
15. Lãi suất trái phiếu	6%/ Năm
16. Thanh toán lãi trái phiếu	Lãi Trái phiếu được thanh toán 1 lần vào ngày đáo hạn của Trái phiếu trong đợt phát hành đó.
17. Kế hoạch bố trí nguồn thanh toán gốc/lãi trái phiếu	Tổ chức phát hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức phát hành và nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu khác (bao gồm các nguồn thu từ việc huy động vốn) để thanh toán Gốc trái phiếu trong trường hợp Nhà đầu tư lựa chọn không chuyển đổi và lãi Trái phiếu khi đến hạn.
18. Biện pháp đảm bảo	Trái phiếu không có tài sản đảm bảo
19. Phương án sử dụng vốn	Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu dự kiến 52.800.000.000 đồng sẽ được sử dụng chi tiết như sau:

	STT	Đối tượng	Dự kiến sử dụng vốn từ đợt phát hành	Thời hạn thực hiện
	1	Trả nợ vay tổ chức tín dụng	22.800.000.000	Trong năm 2020-2021
	3	Bổ sung vốn lưu động (Thanh toán cho nhà cung cấp)	30.000.000.000	Trong năm 2020-2021
	Tổng Cộng		52.800.000.000	
20. Ngày chuyển đổi	Là Ngày đáo hạn của Trái phiếu chuyển đổi. Ủy quyền cho HĐQT công ty lựa chọn ngày chuyển đổi phù hợp.			
21. Thời hạn đề nghị chuyển đổi	<p>Thời hạn đề nghị chuyển đổi là khoảng thời gian mà bất kỳ Người sở hữu trái phiếu nào cũng có thể đăng ký thực hiện Quyền chuyển đổi gắn liền với Trái phiếu của mình bằng cách gửi Đề nghị chuyển đổi cho Tổ chức phát hành và Đề nghị chuyển đổi đó, nếu được gửi hợp lệ đến Tổ chức phát hành theo thông báo sẽ có giá trị ràng buộc với Tổ chức phát hành.</p> <p>Thời hạn đề nghị chuyển đổi và mẫu đề nghị chuyển đổi sẽ do Tổ chức phát hành quyết định và thông báo cho Người sở hữu trái phiếu với điều kiện Thời hạn đề nghị chuyển đổi kéo dài ít nhất 20 ngày làm việc và kết thúc trước mỗi Ngày chuyển đổi tối thiểu 30 ngày làm việc.</p>			
22. Quyền chuyển đổi	<ul style="list-style-type: none"> - Trái chủ được quyền chuyển đổi 100% số lượng trái phiếu Ngày đáo hạn của Trái phiếu; - Trái chủ có thể không thực hiện hoặc thực hiện chuyển đổi một phần Trái phiếu. - Giá trị gốc của trái phiếu không thực hiện chuyển đổi sẽ được thanh toán cho cổ đông vào Ngày đáo hạn của Trái phiếu. 			
23. Giá chuyển đổi, Phương pháp xác định giá chuyển đổi	Giá chuyển đổi được xác định bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu			
24. Tỷ lệ chuyển đổi	<p>Tỷ lệ chuyển đổi = Mệnh giá trái phiếu/Giá chuyển đổi</p> <p style="text-align: center;">= 100:10</p> <p>Nhà đầu tư sở hữu 10 trái phiếu được chuyển đổi thành 100 cổ phiếu.</p>			
25. Phát hành cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi	<p>Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, Công ty sẽ thực hiện việc phát hành cổ phiếu cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi đó. Đồng thời công ty cũng thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung, lưu ký bổ sung số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi.</p>			

	Nguyên tắc làm tròn số cổ phần được chuyển đổi: Khi chuyển đổi Trái phiếu thành cổ phiếu, số cổ phiếu được chuyển đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ sẽ tự động hủy bỏ.
26. Chuyển nhượng trái phiếu	Trái phiếu hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày phát hành.
27. Quyền lợi của người sở hữu trái phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ quy định ở trên và được UBCKNN chấp thuận. - Người sở hữu trái phiếu chuyển đổi được quyền chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và cầm cố vay vốn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp chuyển nhượng, cho, tặng chỉ được thực hiện khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phát hành.
28. Cam kết công bố thông tin	Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam cam kết sẽ công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi theo đúng quy định về công bố thông tin của pháp luật hiện hành.
29. Quy định về Niêm yết trái phiếu	ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT lựa chọn thời điểm phù hợp tiến hành các thủ tục đăng ký trái phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Niêm yết trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.
30. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thời điểm thực hiện phương án chào bán trái phiếu và thực hiện các thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu với UBCKNN. - Lựa chọn và quyết định đối tượng cụ thể chào bán trái phiếu riêng lẻ theo tiêu chí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đảm bảo số lượng chào bán dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. - Chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất. - Hoàn chỉnh các nội dung khác liên quan đến Phương án Phát hành theo yêu cầu của các cơ quan chức năng để việc huy động vốn được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định. - Lập phương án xử lý số trái phiếu không chào bán hết (nếu có) theo quy định của pháp luật. - Triển khai việc phát hành trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật. - Thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc thanh toán lãi định kỳ theo điều khoản điều kiện Trái phiếu phát hành. - Thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán, và các thủ tục khác liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ và giấy phép hoạt động của Công ty.

	- Và các công việc khác có liên quan.
--	---------------------------------------

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

1. Tổ chức phát hành trái phiếu chuyển đổi

Tên tiếng Việt	:	Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
Tên viết tắt	:	VINAHERBFOODS.,JSC
Địa chỉ	:	Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(0243) 3816999
Fax	:	(0243) 5990555
Website	:	https://vinaherbfoods.com/
Vốn điều lệ trước khi phát hành trái phiếu chuyển đổi	:	105.600.000.000 VNĐ
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất thực phẩm chức năng - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã.

2. Mục đích phát hành trái phiếu:

Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam phát hành trái phiếu là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Cụ thể sẽ sử dụng phần vốn thu được để trả một phần nợ vay tổ chức tín dụng nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho Công ty và Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Thông tin về đợt phát hành

1. Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
2. Loại trái phiếu	Trái phiếu chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo
3. Hình thức trái phiếu	Trái phiếu ghi sổ
4. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu	Đồng Việt Nam
5. Phương thức phát hành trái phiếu	Trực tiếp phát hành theo phương thức phát hành ra công chúng theo quy định của pháp luật.
6. Số đợt phát hành	01 đợt
7. Tổng giá trị trái phiếu chào bán	52.800.000.000 đồng (Năm mươi hai tỷ tám trăm triệu đồng)
8. Mệnh giá trái phiếu	100.000 đồng/trái phiếu
9. Số lượng trái phiếu chào bán	528.000 Trái phiếu.

10. Đối tượng chào bán	<p>Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông của công ty tại ngày chốt danh sách hưởng quyền mua Trái phiếu chuyển đổi.</p> <p>Quyền mua được chuyển nhượng 01 lần chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày cuối cùng của thời hạn nộp tiền mua Trái phiếu theo thông báo của Công ty.</p>
11. Tỷ lệ chào bán cho cổ đông hiện hữu	<p>Dự kiến là 100 : 5 (tức là cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được quyền mua 05 trái phiếu)</p> <p>Tỷ lệ chào bán cho cổ đông hiện hữu phụ thuộc vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thực hiện triển khai Phương án chào bán Trái phiếu và số lượng trái phiếu chào bán thực tế của từng đợt phát hành. Ủy quyền Hội đồng quản trị chi tiết tỷ lệ thực hiện chào bán Trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu phù hợp để đảm bảo tổng giá trị trái phiếu chào bán theo Phương án này.</p>
12. Ngày phát hành	Dự kiến trong năm 2020, sau khi có chấp thuận của UBCKNN.
13. Nguyên tắc làm tròn trái phiếu và phương án xử lý trái phiếu lẻ và trái phiếu không phân phối hết	<p>Trái phiếu được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng trái phiếu từ chối mua, trái phiếu lẻ sẽ do Hội đồng quản trị phân phối với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu, và theo các điều kiện chuyển đổi tương đương cổ đông hiện hữu.</p> <p>Trái phiếu lẻ phát sinh do làm tròn từ việc phân phối cho các cổ đông không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư 162/2015/TT-BTC.</p> <p>Trái phiếu phân phối lại cho các đối tượng khác do cổ đông từ chối quyền mua bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.</p>
14. Thời hạn trái phiếu	02 năm kể từ ngày phát hành
15. Giá chào bán	Bằng mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu
16. Lãi suất trái phiếu	6%/ Năm
17. Thanh toán lãi trái phiếu	Lãi Trái phiếu được thanh toán 1 lần vào ngày đáo hạn của Trái phiếu trong đợt phát hành đó.
18. Kế hoạch bố trí nguồn thanh toán gốc/lãi trái phiếu	Tổ chức phát hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức phát hành và nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu khác (bao gồm các nguồn thu từ việc huy động vốn) để thanh toán Gốc trái phiếu trong trường hợp Nhà đầu tư lựa chọn không chuyển đổi và lãi Trái phiếu khi đến hạn.
19. Biện pháp đảm bảo	Trái phiếu không có tài sản đảm bảo
20. Phương án sử dụng vốn	Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu dự kiến 52.800.000.000 đồng sẽ được sử dụng chi tiết như sau:

	STT	Đối tượng	Dự kiến sử dụng vốn từ đợt phát hành	Thời hạn thực hiện
	1	Trả nợ vay tổ chức tín dụng	22.800.000.000	Trong năm 2020-2021
	3	Bổ sung vốn lưu động (Thanh toán cho nhà cung cấp)	30.000.000.000	Trong năm 2020-2021
	Tổng Cộng		52.800.000.000	
21. Ngày chuyển đổi	Là Ngày đáo hạn của Trái phiếu chuyển đổi. Ủy quyền cho HĐQT công ty lựa chọn ngày chuyển đổi phù hợp.			
22. Thời hạn đề nghị chuyển đổi	<p>Thời hạn đề nghị chuyển đổi là khoảng thời gian mà bất kỳ Người sở hữu trái phiếu nào cũng có thể đăng ký thực hiện Quyền chuyển đổi gắn liền với Trái phiếu của mình bằng cách gửi Đề nghị chuyển đổi cho Tổ chức phát hành và Đề nghị chuyển đổi đó, nếu được gửi hợp lệ đến Tổ chức phát hành theo thông báo sẽ có giá trị ràng buộc với Tổ chức phát hành.</p> <p>Thời hạn đề nghị chuyển đổi và mẫu đề nghị chuyển đổi sẽ do Tổ chức phát hành quyết định và thông báo cho Người sở hữu trái phiếu với điều kiện Thời hạn đề nghị chuyển đổi kéo dài ít nhất 20 ngày làm việc và kết thúc trước mỗi Ngày chuyển đổi tối thiểu 30 ngày làm việc.</p>			
23. Quyền chuyển đổi	<ul style="list-style-type: none"> - Trái chủ được quyền chuyển đổi 100% số lượng trái phiếu Ngày đáo hạn của Trái phiếu; - Trái chủ có thể không thực hiện hoặc thực hiện chuyển đổi một phần Trái phiếu. - Giá trị gốc của trái phiếu không thực hiện chuyển đổi sẽ được thanh toán cho cổ đông vào Ngày đáo hạn của Trái phiếu. 			
24. Giá chuyển đổi, Phương pháp xác định giá chuyển đổi	Giá chuyển đổi được xác định bằng mệnh giá 10.000 đồng			
25. Tỷ lệ chuyển đổi	<p>Tỷ lệ chuyển đổi = Mệnh giá trái phiếu/Giá chuyển đổi</p> <p style="text-align: center;">= 100:10</p> <p>Nhà đầu tư sở hữu 10 trái phiếu được chuyển đổi thành 100 cổ phiếu.</p>			
26. Phát hành cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi	Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, Công ty sẽ thực hiện việc phát hành cổ phiếu cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi đó. Đồng thời công ty cũng thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung, lưu ký bổ sung số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi.			

	Nguyên tắc làm tròn số cổ phần được chuyển đổi: Khi chuyển đổi Trái phiếu thành cổ phiếu, số cổ phiếu được chuyển đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ sẽ tự động hủy bỏ.
27. Chuyển nhượng trái phiếu	<p>Trái phiếu tự do chuyển nhượng.</p> <p>Trái phiếu lẻ phát sinh do làm tròn từ việc phân phối cho các cổ đông không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư 162/2015/TT-BTC.</p> <p>Trái phiếu phân phối lại cho các đối tượng khác do cổ đông từ chối quyền mua bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.</p>
28. Quyền lợi của người sở hữu trái phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ quy định ở trên và được UBCKNN chấp thuận. - Người sở hữu trái phiếu chuyển đổi được quyền chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và cầm cố vay vốn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp chuyển nhượng, cho, tặng chỉ được thực hiện khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phát hành.
29. Cam kết công bố thông tin	Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam cam kết sẽ công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi theo đúng quy định về công bố thông tin của pháp luật hiện hành.
30. Quy định về Niêm yết trái phiếu	ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT lựa chọn thời điểm phù hợp tiến hành các thủ tục đăng ký trái phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Niêm yết trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.
31. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thời điểm thực hiện phương án chào bán trái phiếu và thực hiện các thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu với UBCKNN. - Chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất. - Hoàn chỉnh các nội dung khác liên quan đến Phương án Phát hành theo yêu cầu của các cơ quan chức năng để việc huy động vốn được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định. - Lập phương án xử lý số trái phiếu không chào bán hết (nếu có) theo quy định của pháp luật. - Lựa chọn đối tượng mua số lượng trái phiếu không chào bán hết do làm tròn hoặc trái phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết trong đợt chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với giá mua không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu. - Triển khai việc phát hành trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật.

	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc thanh toán lãi định kỳ theo điều khoản điều kiện Trái phiếu phát hành. - Thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán, và các thủ tục khác liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ và giấy phép hoạt động của Công ty. - Và các công việc khác có liên quan.
--	--

V. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG VỐN

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Lựa chọn thời điểm thực hiện phương án huy động vốn;
- Lựa chọn thực hiện một trong các phương án hoặc kết hợp đồng thời các phương án đảm bảo huy động kịp thời vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2020 - 2021 theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu Văn phòng.



Số : 14 /2020/BB-ĐHĐCĐ/VHE

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2020

BIÊN BẢN

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

Tên Doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
Địa chỉ: Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Thời gian họp: Bắt đầu từ lúc 08 giờ 30 phút ngày 27/06/2020
Địa điểm họp: Văn phòng Công ty, số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Chương trình và nội dung đại hội: Theo Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông thông qua
Số lượng đại biểu tham dự: 10 cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp, đại diện cho 8.020.620 cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp, chiếm 91,1434% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

A. PHẦN THỦ TỤC

1. Tuyên bố lý do

Tuyên bố lý do triệu tập cuộc họp: Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam và luật pháp hiện hành, HĐQT Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 (“Đại hội”) để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền.

2. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông

Bà Nguyễn Thị Hạnh, Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, cụ thể:

- Tại thời điểm 09 giờ 10 phút, ngày 27/06/2020: Tổng số cổ đông và người được ủy quyền họp lệ tham dự Đại hội là 9 người, đại diện cho 8.016.000 cổ phần, chiếm 91,0909% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (căn cứ theo Danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập ngày 10/06/2020).
- Theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp, theo hình thức trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.

Vì vậy, Đại hội đã đủ điều kiện tiến hành.

3. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa Đại hội, bao gồm:

- Ông Bùi Tiến Vinh – Chủ tịch Hội đồng quản trị – Chủ tọa Đại hội
- Bà Lê Thị Mai – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Công Thành – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc tài chính
- Ông Nguyễn Tài Đức – Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Thế Hùng – Thành viên Hội đồng quản trị

4. Chủ tọa Đại hội giới thiệu Thư ký Đại hội, bao gồm:

- Ông Hoàng Anh Tuấn – Trưởng Ban Thư ký
- Bà Phạm Thị Ánh – Thành viên Ban thư ký

5. Chủ tọa Đại hội đề cử thành viên Ban kiểm phiếu, bao gồm:

- Bà Nguyễn Minh Phương – Trưởng Ban kiểm phiếu
- Bà Nguyễn Thị Thu – Thành viên Ban kiểm phiếu
- Bà Trịnh Thị Hiền – Thành viên Ban kiểm phiếu

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí bầu những người nêu trên vào Ban kiểm phiếu của Đại hội.

B. NỘI DUNG CUỘC HỌP

I. Thông qua nội dung Chương trình họp và Quy chế tổ chức và biểu quyết tại Đại hội

1. Đoàn chủ tịch trình bày Chương trình họp và Đại hội thông qua (Phụ lục 1 – Đính kèm Biên bản này) với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.
2. Đại hội thông qua Quy chế tổ chức và biểu quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (Phụ lục 2 – Đính kèm Biên bản này) với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.

II. Trình bày các báo cáo và tờ trình các nội dung cần được cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội

1. Ông Bùi Tiến Vinh trình bày tóm tắt Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019.
2. Ông Nguyễn Tài Đức trình bày tóm tắt Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát về giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc năm 2019.
3. Ông Bùi Tiến Vinh trình bày tóm tắt Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020.
4. Ông Phạm Công Thành trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019.
5. Ông Phạm Công Thành trình bày Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2019 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020.
6. Ông Phạm Công Thành trình bày Tờ trình chi trả thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2020
7. Ông Phạm Công Thành trình bày Tờ trình thông qua Lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của công ty.
8. Ông Nguyễn Tài Đức trình bày Tờ trình thông qua Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của công ty; Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021
9. Ông Nguyễn Tài Đức trình bày tóm tắt Tờ trình thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty sửa đổi

10. Ông Nguyễn Tài Đức trình bày tóm tắt Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty
11. Ông Bùi Tiến Vinh trình bày Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021.
12. Ông Bùi Tiến Vinh trình bày Tờ trình thông qua Phương án chi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
13. Ông Phạm Công Thành trình bày Tờ trình thông qua Phương án huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.

III. TRAO ĐỔI VÀ THẢO LUẬN

Đoàn Chủ tịch và Đại hội đã lắng nghe các ý kiến của các cổ đông và tiến hành thảo luận về nội dung của các báo cáo, tờ trình được trình bày tại Đại hội.

Đại hội đã thống nhất các nội dung trả lời tại Đại hội và không có ý kiến gì khác.

Nội dung trao đổi và thảo luận. (Phụ lục 3 – Đính kèm biên bản này).

IV. BIỂU QUYẾT VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

1. Trưởng Ban kiểm phiếu cập nhật kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, hướng dẫn cách thức biểu quyết:

Cập nhật kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội tiến hành biểu quyết đến thời điểm 11 giờ 25 phút:

Tổng số cổ đông và người được ủy quyền hợp lệ tham dự Đại hội là 10 người, đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 91,1434% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Hướng dẫn cách thức biểu quyết.

2. Đại hội tiến hành bỏ phiếu

3. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả:

Tổng số phiếu phát ra: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu thu về: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Tổng phiếu không thu về: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

V. CÁC NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI CUỘC HỌP

1. **Nội dung 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (Báo cáo số 01/2020/TTr-DHDCĐ – Đính kèm Biên bản này)**

Tổng số phiếu hợp lệ: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Như vậy Nội dung 1 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

2. Nội dung 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát về giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc năm 2019. (Báo cáo số 02/2020/TTr-ĐHĐCĐ – Đính kèm Biên bản này)

Tổng số phiếu hợp lệ: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Như vậy Nội dung 2 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

3. Nội dung 3: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020. (Báo cáo số 03/2020/TTr-ĐHĐCĐ – Đính kèm Biên bản này)

Tổng số phiếu hợp lệ: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Như vậy Nội dung 3 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

4. Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán (Tờ trình số 04/2020/TTr-ĐHĐCĐ – Đính kèm Biên bản này)

Tổng số phiếu hợp lệ: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Như vậy Nội dung 4 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

5. Nội dung 5: Thông qua Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 (Tờ trình số 05/2020/TTr-ĐHĐCĐ – Đính kèm Biên bản này)

Tổng số phiếu hợp lệ: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Như vậy Nội dung 5 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

6. Nội dung 6: Phê duyệt thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2020 (Tờ trình số 06/2020/TTr-ĐHĐCĐ – Đính kèm Biên bản này)

Tổng số phiếu hợp lệ: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu tán thành: 9 đại diện cho 8.016.000 cổ phần, chiếm 99,9424% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho 4.620 cổ phần, chiếm 0,0576% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Như vậy Nội dung 6 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9424%

7. Nội dung 7: Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty (Tờ trình số 07/2020/TTr-ĐHĐCĐ – Đính kèm Biên bản này)

Tổng số phiếu hợp lệ: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Như vậy Nội dung 7 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

8. Nội dung 8: Thông qua việc Thay đổi mô hình quản trị công ty; Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021 (Tờ trình số 08/2020/TTr-DHĐCĐ – Đính kèm Biên bản này)

Tổng số phiếu hợp lệ: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Như vậy Nội dung 8 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

9. Nội dung 9: Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty (Tờ trình số 09/2020/TTr-DHĐCĐ – Đính kèm Biên bản này)

Tổng số phiếu hợp lệ: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Như vậy Nội dung 9 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

10. Nội dung 10: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Tờ trình số 10/2020/TTr-DHĐCĐ – Đính kèm Biên bản này)

Tổng số phiếu hợp lệ: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Như vậy Nội dung 10 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

11. Nội dung 11: Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và thay đổi số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 (Tờ trình số 11/2020/TTr-ĐHĐCĐ – Đính kèm Biên bản này)

Tổng số phiếu hợp lệ: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Như vậy Nội dung 11 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

12. Nội dung 12: Thông qua Phương án chi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu (Tờ trình số 12/2020/TTr-ĐHĐCĐ – Đính kèm Biên bản này)

Tổng số phiếu hợp lệ: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Như vậy Nội dung 12 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

13. Nội dung 13: Thông qua Phương án huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 (Tờ trình số 13/2020/TTr-ĐHĐCĐ – Đính kèm Biên bản này)

Tổng số phiếu hợp lệ: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho 8.020.620 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

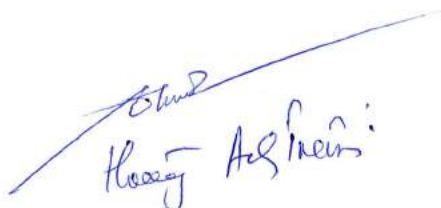
Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Như vậy Nội dung 13 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

VI. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Ông Hoàng Anh Tuấn đọc Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
2. Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký đại hội đọc Dự thảo biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
3. Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết và Biên bản Đại hội.
4. Ông Bùi Tiến Vinh – Chủ tọa đại hội Tuyên bố bế mạc đại hội.

Thư ký cuộc họp


Hoàng Anh Tuấn

Chủ tọa cuộc họp



BÙI TIẾN VINH

Số : 15 /2020/NQ-ĐHĐCĐ/VHE

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành ngày 24/11/2010;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 27/06/2020;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam ngày 27 tháng 06 năm 2020.

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam tổ chức tại Số 277, đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội ngày 27 tháng 06 năm 2020 đã thông qua Nghị quyết này với các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua các báo cáo:

- Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2019 & kế hoạch 2020
- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019
- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về hoạt động kinh doanh năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020
1	Doanh thu thuần	110.000.000.000 đồng
2	Lợi nhuận trước thuế	400.000.000 đồng
3	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	0
4	Tiền lương bình quân	8.000.000 đồng/ người

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019.

Điều 3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2019 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020:

a) Trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2019 (ĐVT: Triệu đồng)
1. Lợi nhuận trước thuế	11.295
2. Thuế TNDN phải nộp	2.260
3. Lợi nhuận sau thuế	9.035
4. Phân phối lợi nhuận	0
5. Lợi nhuận để lại từ các năm trước	13.706
6. Tổng lợi nhuận đến hết năm 2019	22.741
7. Đề nghị chia cổ tức	20%
8. Lợi nhuận chuyển năm sau	5.141

b) Chia cổ tức năm 2019

Mức chi trả cổ tức năm 2019: 20%

c) Thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm 2020: 0%.

Điều 4: Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Điều 5: Thông qua Tờ trình chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2020. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2020 như sau:

a) Thù lao Hội đồng quản trị: Không quá 10% lợi nhuận sau thuế năm 2020

b) Thù lao thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ: Tiểu ban Kiểm toán nội bộ không nhận thù lao

Điều 6: Thông qua Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty:

a) Thay đổi mô hình quản trị, kiểm soát của Công ty

- *Mô hình tổ chức quản lý hiện tại của Công ty:*

Đại hội đồng cổ đông – Hội đồng quản trị – Ban kiểm soát – Tổng giám đốc.

- *Mô hình tổ chức quản lý đề xuất thay đổi:*

Đại hội đồng cổ đông – Hội đồng quản trị – Tổng giám đốc (theo điểm b, khoản 1, điều 134 - Luật Doanh nghiệp 2014).

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc thành lập Tiểu ban Kiểm toán nội bộ (trực thuộc Hội đồng quản trị) và tiến hành rà soát, ban hành các Quy chế nội bộ để công ty có thể áp dụng mô hình tổ chức quản lý mới và các thủ tục đăng ký, thay đổi với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b) Giải thể Ban kiểm soát và Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam nhiệm kỳ 2016-2021 kể từ ngày 27/06/2020, để phù hợp với phương án chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp 2014.

Điều 7: Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp với quy định pháp luật và mô hình quản trị, kiểm soát mới.

Nội dung chi tiết các quy định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình số 09/2020/TTr-ĐHĐCĐ. Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 8: Thông qua Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty cho phù hợp với quy định pháp luật và mô hình quản trị, kiểm soát mới.

Nội dung chi tiết các quy định sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình số 10/2020/TTr-ĐHĐCĐ. Các quy định của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 9: Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021

a) Miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam đối với Ông Lê Hữu Lợi kể từ ngày 04/12/2019;

b) Thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 là 06 thành viên

Điều 10: Thông qua Phương án trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu

- *Tổ chức phát hành:* Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
- *Khối lượng dự kiến phát hành:* 1.760.000 cổ phần (Một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn cổ phần)
- *Mệnh giá:* 10.000 đồng/cổ phần
- *Tổng giá trị phát hành:* 17.600.000.000 (Mười bảy tỷ sáu trăm triệu đồng)
- *Loại cổ phiếu:* Cổ phiếu phổ thông
- *Mục đích phát hành:* Tăng vốn điều lệ công ty bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- *Đối tượng phát hành:* Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) để phát hành cổ phiếu trả cổ tức do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- *Nguồn vốn phát hành:* Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thời điểm 31/12/2019 trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
- *Tỷ lệ thực hiện:* 100:20 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận 20 cổ phần phát hành thêm)
- *Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh:* Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ với giá bằng mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phiếu. Nếu tổng số cổ phiếu lẻ do Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ mà vẫn phát sinh cổ phiếu lẻ thì tiếp tục được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu lẻ do Công ty mua lại sẽ bị hủy bỏ.

148
TY
HÀN
THỰC PH
NAM

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 118 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ phân bổ quyền 100:20 cổ đông A sẽ nhận được cổ phiếu phát hành thêm được tính như sau: $118 : 100 \times 20 = 23,6$. Cổ đông Nguyễn Văn A nhận được 23,6 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, số lượng 0,6 cổ phiếu lẻ sẽ được Công ty mua lại với giá 10.000 đồng làm cổ phiếu quỹ. Như vậy, cổ đông A sẽ được nhận 23 cổ phiếu mới và 6.000 đồng tiền mặt.

- Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung: Số cổ phần phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được đăng ký lưu ký và niêm yết tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngay sau khi hoàn tất việc phát hành phù hợp với quy định của pháp luật.

- Thời gian thực hiện dự kiến: Quý III, IV/2020 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Triển khai phương án phát hành chi tiết, lựa chọn thời điểm phát hành và thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.

Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành.

Hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định pháp luật hiện hành.

Và các công việc khác có liên quan.

Điều 11: Thông qua Phương án huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 theo tờ trình số 13/2020/TTr-DHĐCĐ

Điều 10: Điều khoản thi hành

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các phòng ban liên quan, có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020



BÙI TIẾN VINH